ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 7
MÔN: TIẾNG ANH 4

A. LISTENING

Listen and complete.

Today I go to the market with my (1)_. We buy fruits and vegetables. First we go to the fruits (2) . Here we buy apples, bananas, watermelons, oranges and (3)_. After that, we go to the vegetable mall. Mum buys cabbage, (4)_. Next, we buy some snacks and soft drinks such as biscuits, yogurts, (5)_and pancake. We also buy rice, noodles and bread before we go home.

B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Odd one out.

1.
A. snake
B. dog
C. teacher
D. kangaroo

2.
A. second
B. thirteen
C. eight D. twelve

3.
A. cheap
B. much
C. expensive
D. long

4.
A. toy store
B. bakery
C. hospital
D. near

5.
A. secretary
B. lawyer
C. airport
D. postman

II. Choose the correct answer.

1. _____ do you have dinner? – 7 p.m.
A. What
B. Where
C. What time

2. I have lunch_____twelve o'clock.
A. at

B. to
C. with
3. What_____her brother do?
A. do
B. does
C. is
4. He is_____engineer.
A. X
B. an
C. a
5. Would you like_____milk?
A. many
B. a
C. some

III. Read and complete the passage. Use available words.

writes	houses	presents	letters	brings

December is always a very busy period of time for Santa Claus. He does a lot of things. He opens and reads many (1)_from children all over the world. He (2)_long lists of toys and children's names. He buys lots of (3)_for the children and wraps them. He puts them on his sleigh and (4)_them to the children's (5)_all around the world.

IV. Read and answer questions.

Hello. My name is Anna. I come from the USA. These are my parents. My mother is Laura and she loves vegetables and fruits. She doesn't like beef. My father is Peter. He loves meat and he dislikes vegetables and fruits. My parents have two children: me and my little sister Nina. This is Nina. Nina is five years old. She is playing with a yo yo and eating some biscuits. She loves biscuits. Finally, I am a student at the International School. I don't like bananas and fish. I love pork and chicken.

1. Where is Anna from?
2. What's Laura's favourite food?
3. What's Peter favourite food?
4. How many people are there in Anna's family?
5. What's Anna's favourite food?

V. Rearrange to make correct sentences.

1. is/ than/ her/ taller/ sister/ Anna/

.

2. wears/ at/ new/ She/ clothes/ Tet/

.

3. does/ her/ look/ like/ What/ mother/
. _____

4. your/ work/ brother/ Where/ does?
? _____

5. day/ is/ When/ Children's/ the
? _____

----------THE END----------

ĐÁP ÁN

A. LISTENING

Listen and complete.

1. mother	2. store	3. grapes	4. tomatoes	5. milk

B. VOCABULARY & GRAMMAR
I. Odd one out.

1. C	2. A	3. B	4. D	5. C

II. Choose the correct answer.

1. C	2. A	3. B	4. B	5. C

III. Read and complete the passage. Use available words.

1. letters	2. writes	3. presents	4. brings	5. houses

IV. Read and answer questions.
1. Anna is from the USA.
2. She likes vegetables and fruits.
3. He likes meat.
4. There are four people in Anna's family.
5. She likes pork and chicken.

V. Rearrange to make correct sentences.
1. Anna is taller than her sister.
2. She wears new clothes at Tet.
3. What does her mother look like?
4. Where does your brother work?
5. When is the Children's day?

LỜI GIẢI CHI TIẾT

A. LISTENING

Listen and complete.

(Nghe và hoàn thành.)
Đoạn văn hoàn chỉnh:
Today I go to the market with my mother. We buy fruits and vegetables. First we go to the fruits store. Here we buy apples, bananas, watermelons, oranges and grapes. After that, we go to the vegetable mall. Mum buys cabbage, tomatoes. Next, we buy some snacks and soft drinks such as biscuits, yogurts, milk and pancake. We also buy rice, noodles and bread before we go home.

Tạm dịch:
Hôm nay tôi đi chợ với mẹ tôi. Chúng tôi mua trái cây và rau củ. Đầu tiên chúng tôi đi đến cửa hàng trái cây. Ở đây chúng tôi mua táo, chuối, dưa hấu, cam và nho. Sau đó, chúng tôi đi đến cửa hàng rau củ. Mẹ mua bắp cải, cà chua. Tiếp theo, chúng tôi mua ít đồ ăn nhẹ và nước uống như bánh quy, sữa chua, sữa và bánh kếp. Chúng tôi cũng mua gạo, mì và bánh mì trước khi về nhà.

B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Odd one out.
(Chọn từ khác loại.)
1. C
snake (n): con rắn dog (n): con chó teacher (n): giáo viên kangaroo (n): con chuột túi
Giải thích: đáp án C là danh từ chỉ nghề nghiệp, các phương án còn lại đều là những danh từ chỉ các loài động vật.

2. A
second: thứ hai (số thứ tự) thirteen: 13 eight: 8 twelve: 12
Giải thích: đáp án A là từ chỉ thứ tự, các phương án còn lại đều là số đếm.
3. B
cheap (adj): rẻ much: nhiều expensive (adj): đắt long (adj): dài
Giải thích: đáp án B không phải là tính từ như những phương án còn lại.
4. D
toy store (n): cửa hàng đồ chơi bakery (n): tiệm bánh hospital (n): bệnh viện near (adj): gần
Giải thích: D là tính từ, các phương án còn lại đều là những danh từ chỉ địa điểm.
5. C
secretary (n): thư kí lawyer (n): luật sư airport (n): sân bay postman (n): người đưa thư
Giải thích: đáp án D là danh từ chỉ địa điểm, các phương án còn lại đều là những danh từ nghề nghiệp.

II. Choose the correct answer.
(Chọn đáp án đúng.)
1. C
Để thành lập câu hỏi về giờ giấc cụ thể, chúng ta dùng "What time".
What time do you have dinner? – 7 p.m.
(Cậu ăn tối lúc mấy giờ? – 7 giờ tối.)
2. A

Ta dùng giới từ "at" phía trước giờ cụ thể.
I have lunch at twelve o'clock.
(Mình ăn trưa lúc 12h.)
3. B
Cấu trúc hỏi ai đó làm nghề gì:
What + do/does + S + do?
Chủ ngữ (S) trong câu này là "her brother", là ngôi thứ ba số ít nên khi thành lập câu hỏi ta mượn trợ động từ "does".

What does her brother do?
(Anh trai cô ấy làm nghề gì?)
4. B
Ta dùng "an" trước danh từ số ít bắt đầu bằng 1 trong 5 nguyên âm trong Tiếng Anh (u, e, o, a, i).

He is an engineer.
(Anh ấy là một kĩ sư.)
5. C
Cấu trúc mời ai đó ăn hoặc uống gì:
Would you like some + N?
Would you like some milk?
(Cậu muốn một chút sữa chứ?)
III. Read and complete the passage. Use available words.
(Đọc và hoàn thành đoạn văn. Sử dụng những từ cho sẵn.)

writes	houses	presents	letters	brings

Đoạn văn hoàn chỉnh:
December is always a very busy period of time for Santa Claus. He does a lot of things. He opens and reads many letters from children all over the world. He writes long lists of toys and children's names. He buys lots of presents for the children and wraps them. He puts them on his sleigh and brings them to the children's houses all around the world.

Tạm dịch:
Tháng 12 luôn là khoảng thời gian rất bận rộn của ông già Noel. Ông ấy làm rất nhiều thứ. Ông mở và đọc rất nhiều thư từ trẻ em trên khắp thế giới. Ông viết danh sách dài các loại đồ chơi và tên của những đứa trẻ. Ông ấy mua rất nhiều quà cho lũ trẻ và gói chúng lại. Ông đặt chúng lên xe trượt tuyết của mình và mang chúng đến những ngôi nhà của các bạn nhỏ trên khắp thế giới.

IV. Read and answer questions.
(Đọc và trả lời câu hỏi.)
Hello. My name is Anna. I come from the USA. These are my parents. My mother is Laura and she loves vegetables and fruits. She doesn't like beef. My father is Peter. He loves meat and he dislikes vegetables and fruits. My parents have two children: me and my little sister Nina. This is

Nina. Nina is five years old. She is playing with a yo yo and eating some biscuits. She loves biscuits. Finally, I am a student at the International School. I don't like bananas and fish. I love pork and chicken.

Tạm dịch:
Xin chào. Tên tôi là Anna. Tôi đến từ Hoa Kỳ. Đây là bố mẹ tôi. Mẹ tôi là Laura và bà rất thích rau và trái cây. Bà không thích thịt bò. Cha tôi là Peter. Ông ấy thích thịt và ông không thích rau cùng trái cây. Bố mẹ tôi có hai người con: tôi và em gái Nina. Đây là Nina. Nina năm tuổi. Em ấy đang chơi với yo yo và ăn một ít bánh quy. Cô ấy yêu bánh quy. Cuối cùng, tôi là học sinh của trường Quốc tế. Tôi không thích chuối và cá. Tôi yêu thịt lợn và thịt gà.

1. Where is Anna from? (Anna đến từ đâu?)
=> Anna is from the USA. (Anna đến từ Hoa Kì.)
Thông tin: I come from the USA. (Tôi đến từ Hoa Kỳ.)
2. What's Laura's favourite food? (Món ăn yêu thích của Laura là gì?)
=> She likes vegetables and fruits. (Bà ấy thích rau củ và hoa quả.)
Thông tin: My mother is Laura and she loves vegetables and fruits. (Mẹ tôi là Laura và bà rất thích rau và trái cây.)

3. What's Peter favourite food? (Món ăn yêu thích của Peter là gì?)
=> He likes meat. (Ông ấy thích thịt.)
Thông tin: My father is Peter. He loves meat… (Cha tôi là Peter. Ông ấy thích thịt…)
4. How many people are there in Anna's family? (Có bao nhiêu người trong gia đình của Anna?)

=> There are four people in Anna's family. (Có 4 người trong gia đình của Anna.)
Thông tin: My parents have two children… (Bố mẹ tôi có 2 người con…)
5. What's Anna's favourite food? (Món ăn yêu thích của Anna là gì?)
=> She likes pork and chicken. (Bạn ấy thích thịt lợn và thịt gà.) Thông tin: I love pork and chicken. (Tôi yêu thịt lợn và thịt gà.) V. Rearrange to make correct sentences.

(Sắp xếp các từ để tạo thành câu đúng.)
1. Anna is taller than her sister. (Anna cao hơn em gái của cô ấy.)

2. She wears new clothes at Tet.
(Cô ấy mặc quần áo mới vào dịp Tết.)
3. What does her mother look like?
(Mẹ cậu trông như thế nào?)
4. Where does your brother work? (Anh trai cậu làm việc ở đâu vậy?)

5. When is the Children's day?
(Ngày Quốc tế Thiếu nhi là vào khi nào?)